

## CẢM NHẬN HẠNH PHÚC CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ TRƯỜNG TIỂU HỌC, TRUNG HỌC CƠ SỞ VÀ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CHU VĂN AN, TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

Nguyễn Quốc Thái<sup>1</sup>, Lò Thị Thanh Nhân<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Khoa Cơ sở, Trường Đại học Tây Bắc; <sup>2</sup> K61 ĐHSP Tiếng Anh, Trường Đại học Tây Bắc

**Tóm tắt:** Cảm nhận hạnh phúc của học trung học cơ sở là sự tự nhận thức, tự đánh giá của chính các em về mức độ hài lòng, dễ chịu với cuộc sống của mình ở Trường học và ở gia đình. Nghiên cứu này thực hiện khảo sát 143 học sinh trung học cơ sở Trường Tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông Chu Văn An, Trường Đại học Tây Bắc. Nhìn chung, thực trạng cảm nhận hạnh phúc của học sinh trung học cơ sở Trường Tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông Chu Văn An ở mức cao (ĐTB = 3.92), cho thấy đa số HS thường xuyên cảm thấy hạnh phúc khi tham gia các hoạt động tại Trường và tại gia đình. Bên cạnh đó, vẫn còn một số HS (2.8%) HS ít cảm thấy hạnh phúc khi tham gia các hoạt động tại Trường và tại gia đình. Trong các thành phần của cảm nhận hạnh phúc, học sinh hài lòng nhất ở thành phần “Thành tựu đạt được” hài lòng ít nhất là “Mức độ tham gia hoạt động” nhưng sự khác biệt này không có ý nghĩa. Các yếu tố khách quan và chủ quan trên đều ảnh hưởng rất nhiều tới thực trạng cảm nhận hạnh phúc của học sinh trung học cơ sở Trường TH, THCS & THPT Chu Văn An, trong đó các yếu tố từ gia đình, các yếu tố từ nhà Trường có ảnh hưởng nhiều nhất và các yếu tố xã hội có ảnh hưởng ít nhất.

**Từ khóa:** Hạnh phúc; Cảm nhận hạnh phúc; Học sinh trung học cơ sở; Cảm nhận hạnh phúc của học sinh trung học cơ sở; Trường Tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông Chu Văn An.

### 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Cảm xúc tích cực nói chung, cảm nhận hạnh phúc nói riêng có vai trò quan trọng sự phát triển nhân cách của học sinh (HS) nói chung và HS trung học cơ sở nói riêng. Nhiều nghiên cứu đều có kết luận chung khẳng định vai trò của hạnh phúc đối với trẻ em trên con đường hình thành và phát triển nhân cách, trên con đường đó không thể thiếu sự dẫn đường của các giá trị sống tốt đẹp (yêu thương, tôn trọng, an toàn, hòa bình...). Trong những năm trở lại đây, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã phát động hàng loạt cuộc vận động như: *Trường học thân thiện, HS tích cực; Trường học hạnh phúc...* để tạo nên một môi trường thoải mái, thân thiện đảm bảo nhiệm vụ học tập và rèn luyện, vui chơi cho HS.

HS trung học cơ sở là giai đoạn lứa tuổi chuyển từ thời thơ ấu sang tuổi trưởng thành nên các em đang trong thời kỳ phức tạp, có vị trí đặc biệt quan trọng trong quá trình phát triển của mỗi cá nhân. Do đó, cảm nhận hạnh phúc càng có vai trò quan trọng đối với sự phát triển nhân cách của các em.

Việc nghiên cứu cảm nhận hạnh phúc của HS trung học cơ sở đã có nhiều nhà khoa học quan tâm tìm hiểu nhưng chưa có nghiên cứu vấn đề này trên khách thể là HS trung học cơ sở tại Trường Tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông (TH, THCS & THPT) Chu Văn An, Trường Đại học Tây Bắc. Quan quan sát, HS trung học cơ sở Trường TH, THCS, THPT Chu Văn An, Trường Đại học Tây Bắc có cảm nhận hạnh phúc khá tích cực nhưng chưa có sự đồng đều, hài hoà giữa hoạt động ở Trường và tại gia đình, cũng như trong từng thành phần biểu hiện cảm nhận hạnh phúc của HS. Vì vậy, việc nghiên cứu cảm nhận hạnh phúc trên nhóm khách thể này là có ý nghĩa khoa học và thực tiễn.

Bài viết là kết quả nghiên cứu của đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường của sinh viên: Cảm nhận hạnh phúc của HS trung học cơ sở Trường TH, THCS, THPT Chu Văn An, Trường Đại học Tây Bắc và đề tài: Cảm nhận hạnh phúc của HS trung học cơ sở thành phố Sơn La, mã số TB2022 – 13.

## 2. NỘI DUNG

### 2.1. Cơ sở lý luận về cảm nhận hạnh phúc của học sinh trung học cơ sở

*\* Khái niệm cảm nhận hạnh phúc:*

E.Diener cho rằng: “Hạnh phúc chủ quan là một khái niệm rộng bao gồm các trải nghiệm thỏa mãn, trạng thái cảm xúc tiêu cực ở mức thấp, và sự hài lòng với cuộc sống ở mức cao”[1].

M. Seligman đã chỉ ra 05 yếu tố của hạnh phúc có thể đo lường được gọi là PERMA: Cảm xúc tích cực (Positive Emotion); Mức độ tham gia hoạt động (Engagement); Các mối quan hệ (Relationships); Nhận thức về ý nghĩa của hoạt động (Meaning); Thành tựu đạt được (Accomplishment)[2].

Phan Thị Mai Hương định nghĩa: "Cảm giác hạnh phúc chủ quan được coi là đánh giá chủ quan của con người về sự hài lòng, dễ chịu với cuộc sống của mình"[3].

Trong “Báo cáo thời thơ ấu tươi đẹp” (The Good Childhood Report 2016) đề cập đến hạnh phúc chủ quan của trẻ em, bao gồm hai yếu tố chính: (1) *Sự hài lòng trong cuộc sống* và (2) *Trải nghiệm cảm xúc tích cực và tiêu cực tại một thời điểm cụ thể* [Dẫn theo 4].

Theo Trần Thu Hương, Ngô Thanh Huệ:- “Sự hạnh phúc của HS ở Trường học được hiểu là mức độ thỏa mãn của HS trên tổng thể các chiều kích như: cảm nhận thỏa mãn về Trường học nói chung, bầu khí Trường học, trí tuệ và sự phân nhóm HS, thành quả học tập[4].

Từ các quan điểm trên, chúng tôi hiểu: Cảm nhận hạnh phúc là sự tự nhận thức và tự đánh giá của mỗi người về sự hài lòng, dễ chịu với cảm xúc tích cực, mức độ tham gia hoạt động, các mối quan hệ, nhận thức về ý nghĩa của hoạt động và các thành tựu đạt được trong cuộc sống của mình.

*\* Khái niệm học sinh trung học cơ sở*

HS trung học cơ sở là lứa tuổi bao gồm các em khoảng từ 11, 12 đến 14,15 tuổi đang theo học từ lớp 6 đến lớp 9. Đây là thời kỳ phức tạp và quan trọng nhất trong quá trình phát triển của mỗi cá nhân và là thời kỳ chuyển từ thời thơ ấu sang tuổi trưởng thành [5].

*\* Khái niệm cảm nhận hạnh phúc của HS trung học cơ sở*

Từ các khái niệm về hạnh phúc và cảm nhận hạnh phúc của trẻ em và khái niệm HS trung

học cơ sở, chúng cho rằng: *Cảm nhận hạnh phúc của HS trung học cơ sở là sự tự nhận thức, tự đánh giá của chính HS có độ tuổi 11, 12 đến 14, 15 tuổi(đang theo học từ lớp 6 đến lớp 9) về mức độ hài lòng, dễ chịu với cảm xúc tích cực, mức độ tham gia hoạt động, các mối quan hệ, nhận thức về ý nghĩa của hoạt động và các thành tựu đạt được trong cuộc sống của mình ở trường học và ở gia đình.*

Cảm nhận hạnh phúc của HS trung học cơ sở được biểu hiện ở các thành phần: Cảm xúc tích cực (Positive Emotion); Mức độ tham gia hoạt động (Engagement); Các mối quan hệ (Relationships); Nhận thức về ý nghĩa của hoạt động (Meaning); Thành tựu đạt được (Accomplishment).

### 2.2. Phương pháp nghiên cứu và khách thể nghiên cứu

#### 2.2.1. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu chính được chúng tôi sử dụng là phương pháp điều tra viết. Kết quả 30 câu hỏi điều tra thu được đều đảm bảo khách quan, đủ độ tin cậy với chỉ số Cronbach's Alpha ( $\alpha \geq 0.7$ ) và hệ số tương quan biến - tổng ( $\geq 0.3$ ). Mỗi câu hỏi được thiết kế với thang điểm Likert 5 điểm nên giá trị khoảng cách = (Tối đa - Tối thiểu) /  $n = (5-1) / 5 = 0.80$ . Cùng với điểm trung bình (ĐTB) trả lời các câu hỏi, ý nghĩa của các thang đo được thành: Mức rất cao ( $4.20 < \text{ĐTB} \leq 5$ ); Mức cao ( $3.40 < \text{ĐTB} \leq 4.20$ ); Mức trung bình ( $2.60 < \text{ĐTB} \leq 3.40$ ); Mức thấp ( $1.80 < \text{ĐTB} \leq 2.60$ ); Mức rất thấp ( $1 \leq \text{ĐTB} \leq 1.80$ ).

#### 2.2.2. Khách thể nghiên cứu

Chúng tôi thực hiện khảo sát 143 HS trung học cơ sở Trường TH,THCS,THPT Chu Văn An, Trường Đại học Tây Bắc.

### 2.3. Thực trạng cảm nhận hạnh phúc của học sinh trung học cơ sở Trường Tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông Chu Văn An, Trường Đại học Tây Bắc

#### 2.3.1. Đánh giá chung về thực trạng cảm nhận hạnh phúc của học sinh trung học cơ sở Trường Tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông Chu Văn An, Trường Đại học Tây Bắc

**Bảng 1. Thực trạng cảm nhận hạnh phúc của HS trung học cơ sở Trường Tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông Chu Văn An, Trường Đại học Tây Bắc**

| Mức độ<br>Nội dung                 | Rất thấp (%) | Thấp (%) | Trung bình (%) | Cao (%) | Rất cao (%) | ĐTB  | ĐLC   | Mức |
|------------------------------------|--------------|----------|----------------|---------|-------------|------|-------|-----|
| Cảm xúc tích cực                   | 0            | 2.80     | 25.17          | 43.36   | 28.67       | 3.84 | 0.666 | Cao |
| Mức độ tham gia hoạt động          | 1.40         | 8.39     | 23.78          | 39.86   | 26.57       | 3.72 | 0.835 | Cao |
| Các mối quan hệ                    | 1.40         | 3.50     | 18.18          | 44.76   | 32.17       | 3.90 | 0.765 | Cao |
| Nhận thức về ý nghĩa của hoạt động | 0            | 4.20     | 19.58          | 40.56   | 35.66       | 3.97 | 0.985 | Cao |
| Thành tựu đạt được                 | 0            | 4.90     | 10.49          | 35.66   | 48.95       | 4.14 | 0.748 | Cao |
| Chung                              | 0            | 2.80     | 22.38          | 39.86   | 34.97       | 3.92 | 0.646 | Cao |

Kết quả bảng 1 cho thấy, thực trạng cảm nhận hạnh phúc của HS trung học cơ sở Trường TH,THCS&THPT Chu Văn An ở mức cao (ĐTB = 3.92), trong đó, 34.97% HS cảm thấy hạnh phúc ở mức rất cao, 39.86% HS cảm thấy hạnh phúc ở mức cao, 22.38% HS cảm thấy hạnh phúc ở mức trung bình, 2.8% HS cảm thấy hạnh phúc ở mức thấp và không có HS nào cảm thấy hạnh phúc ở mức rất thấp khi ở Trường học và ở gia đình.

Có sự khác biệt giữa các biểu hiện của thực trạng cảm nhận hạnh phúc của HS trung học cơ sở Trường TH,THCS&THPT Chu Văn An. Cụ thể: Thành phần “Thành tựu đạt được” đạt mức cao nhất trong các thành phần của cảm nhận hạnh phúc của HS (ĐTB = 4.14) và thành phần cảm nhận hạnh phúc của HS đạt mức thấp nhất là “Mức độ tham gia hoạt động” (ĐTB = 3.72). Tuy nhiên, sự khác biệt này không có ý nghĩa (Sig = 0.1320).

### 2.3.2. Đánh giá các biểu hiện cụ thể thực trạng cảm nhận hạnh phúc của học sinh trung học cơ sở Trường Tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông Chu Văn An, Trường Đại học Tây Bắc

#### 2.3.2.1. Thực trạng cảm xúc tích cực của học sinh trung học cơ sở Trường Tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông Chu Văn An, Trường Đại học Tây Bắc

**Bảng 2. Thực trạng cảm xúc tích cực của HS trung học cơ sở Trường Tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông Chu Văn An, Trường Đại học Tây Bắc**

| Nội dung                                | Không bao giờ (%) | Hiếm khi (%) | Thỉnh thoảng (%) | Rất thường xuyên (%) | Thường xuyên (%) | ĐTB  |
|-----------------------------------------|-------------------|--------------|------------------|----------------------|------------------|------|
| Em cảm thấy vui khi tới Trường          | 0                 | 9.79         | 18.18            | 41.96                | 30.07            | 3.92 |
| Em yêu thích các hoạt động ở Trường     | 0                 | 9.79         | 24.48            | 30.07                | 35.66            | 3.91 |
| Em hài lòng với mọi việc ở Trường       | 0.70              | 7.69         | 31.47            | 37.76                | 22.38            | 3.73 |
| Em cảm thấy vui khi ở nhà               | 0.70              | 9.79         | 20.98            | 34.27                | 34.27            | 3.91 |
| Em yêu thích các hoạt động tại gia đình | 0                 | 8.39         | 30.07            | 32.17                | 29.37            | 3.83 |
| Em hài lòng với mọi việc ở nhà          | 2.10              | 6.29         | 34.97            | 30.77                | 25.87            | 3.72 |
| Chung                                   |                   |              |                  |                      |                  | 3.84 |

Kết quả bảng 2 cho thấy, thực trạng cảm xúc tích cực của HS trung học cơ sở Trường TH,THCS&THPT Chu Văn An ở mức cao (ĐTB = 3.84), trong đó, biểu hiện “Em cảm thấy vui khi tới Trường” mang lại nhiều xúc cảm tích cực nhất cho HS (ĐTB = 3.92) và biểu hiện “Em hài lòng với mọi việc ở Trường” (ĐTB = 3.73), “Em hài lòng với mọi việc ở nhà” (ĐTB = 3.72) mang lại xúc cảm tích cực ít nhất. Điều này thể hiện HS trung học cơ sở Trường TH,THCS&THPT Chu Văn An thường xuyên có cảm xúc tích cực. Bên cạnh đó, mặc dù giá trị trung bình các biểu hiện của cảm xúc tích cực khá đồng đều, nhưng HS vẫn thể hiện rõ sự thoải mái về cảm xúc của mình tại Trường hơn là ở gia đình.

#### 2.3.2.2. Thực trạng mức độ tham gia hoạt động của học sinh trung học cơ sở Trường Tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông Chu Văn An, Trường Đại học Tây Bắc

**Bảng 3. Thực trạng mức độ tham gia hoạt động của HS trung học cơ sở Trường TH,THCS&THPT Chu Văn An, Trường Đại học Tây Bắc**

| Nội dung                                                                                                               | Không bao giờ (%) | Hiếm khi (%) | Thỉnh thoảng (%) | Rất thường xuyên (%) | Thường xuyên (%) | ĐTB  |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|--------------|------------------|----------------------|------------------|------|
| Em được tham gia các hoạt động, công việc ở Trường (lễ hội, thi thể thao, các dự án học tập, các cuộc thi tài năng...) | 4.20              | 7.69         | 20.28            | 34.97                | 32.87            | 3.85 |
| Em được tham gia học các câu lạc bộ yêu thích ở Trường                                                                 | 9.79              | 14.69        | 24.48            | 27.97                | 22.38            | 2.97 |
| Em được tham gia đóng góp ý kiến về các nội quy, sự kiện, hoạt động trong lớp học                                      | 9.79              | 14.69        | 24.48            | 27.97                | 22.38            | 3.52 |
| Em được tham gia làm công việc nhà                                                                                     | 2.10              | 3.50         | 12.59            | 34.97                | 46.85            | 4.21 |
| Em được tham gia thảo luận ý kiến với bố mẹ về vấn đề học tập, các sự kiện của gia đình                                | 4.20              | 13.29        | 16.08            | 27.97                | 38.46            | 3.83 |
| Em được tham gia vào các chuyến du lịch hoặc đi chơi cùng gia đình.                                                    | 2.80              | 9.09         | 19.58            | 25.17                | 43.36            | 3.97 |
| Chung                                                                                                                  |                   |              |                  |                      |                  | 3.72 |

Kết quả bảng 3 cho thấy, thực trạng mức độ tham gia hoạt động của HS trung học cơ sở Trường TH,THCS&THPT Chu Văn An ở mức cao (ĐTB = 3.72), trong đó, HS thực hiện hoạt động “tham gia làm công việc nhà” là nhiều nhất (ĐTB = 4.21) và HS thực hiện hoạt động “được tham gia học các câu lạc bộ yêu thích ở Trường” (ĐTB = 2.97) là ít nhất. Như vậy HS thường xuyên tham gia các hoạt động tại Trường và tại gia đình, nhưng mức độ tham gia vào các công việc tại gia đình thường cao hơn mức độ tham gia vào các hoạt động tại Trường. Rõ ràng, các hoạt động ở Trường vẫn còn những hạn chế, đơn điệu, chưa lôi cuốn, hấp dẫn, khuyến khích HS tham gia.

2.3.2.3. Thực trạng các mối quan hệ của học sinh trung học cơ sở Trường Tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông Chu Văn An, Trường Đại học Tây Bắc

**Bảng 4. Thực trạng các mối quan hệ của HS trung học cơ sở Trường TH,THCS&THPT Chu Văn An, Trường Đại học Tây Bắc**

| Nội dung                                                         | Không bao giờ (%) | Hiếm khi (%) | Thỉnh thoảng (%) | Rất thường xuyên (%) | Thường xuyên (%) | ĐTB  |
|------------------------------------------------------------------|-------------------|--------------|------------------|----------------------|------------------|------|
| Em thấy mình gần bố, gần gũi với thầy cô                         | 4.20              | 6.29         | 27.27            | 31.47                | 30.77            | 3.78 |
| Em thấy mình gần bố, gần gũi với bạn bè ở Trường                 | 2.80              | 4.90         | 18.88            | 36.36                | 37.06            | 4.00 |
| Em có những người bạn tốt ở Trường                               | 2.10              | 8.39         | 11.19            | 34.27                | 44.06            | 4.10 |
| Em thấy mình gần bố, gần gũi với mọi người trong gia đình của em | 0.70              | 4.20         | 18.18            | 27.27                | 48.95            | 4.20 |
| Em được đối xử công bằng với anh, chị và em trong gia đình       | 3.50              | 9.09         | 13.99            | 28.67                | 44.76            | 4.02 |
| Em sẵn sàng chia sẻ mọi vấn đề với bố mẹ hoặc anh chị em         | 9.79              | 23.78        | 18.18            | 20.28                | 27.97            | 3.33 |
| Chung                                                            |                   |              |                  |                      |                  | 3.90 |

Kết quả bảng 4 cho thấy, thực trạng hài lòng trong các mối quan hệ của HS trung học cơ sở Trường TH,THCS&THPT Chu Văn An ở mức cao (ĐTB = 3.90), trong đó, yếu tố “mình gần bố, gần gũi với mọi người trong gia đình của em” làm cho HS cảm thấy hài lòng nhất (ĐTB = 4.20) và yếu tố “Em sẵn sàng chia sẻ mọi vấn đề với bố mẹ hoặc anh chị em” làm cho HS ít hài lòng nhất (ĐTB = 3.33). Như vậy, HS hài lòng về các mối quan hệ tại Trường và gia đình, nhưng sự hài lòng với các mối quan hệ trong gia đình cao hơn các mối quan hệ tại Trường. Tuy nhiên, sự gắn kết giữa HS và người thân đôi khi vẫn chưa sâu sắc, đôi khi mang tính hình thức, các em cảm thấy mình muốn gần bố, cảm thấy hài lòng với mối quan hệ với các thành viên trong gia đình nhưng lại chưa yên

tâm, chưa sẵn sàng chia sẻ mọi vấn đề với người thân. Đó đó, cha mẹ, người thân cần tạo mối quan hệ tốt hơn nữa, tạo sự tin tưởng ở HS, đặc biệt phải biết cách trở thành “bạn bè” của HS để các em sẵn sàng chia sẻ mọi vấn đề các em gặp phải.

*2.3.2.4. Thực trạng nhận thức ý nghĩa của hoạt động của học sinh trung học cơ sở Trường Tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông Chu Văn An, Trường Đại học Tây Bắc*

**Bảng 5. Thực trạng nhận thức ý nghĩa của hoạt động của HS trung học cơ sở Trường TH,THCS&THPT Chu Văn An, Trường Đại học Tây Bắc**

| Nội dung                                                                       | Không bao giờ (%) | Hiếm khi (%) | Thỉnh thoảng (%) | Rất thường xuyên (%) | Thường xuyên (%) | ĐTB  |
|--------------------------------------------------------------------------------|-------------------|--------------|------------------|----------------------|------------------|------|
| Em muốn chăm chú nghe giảng để hiểu và làm được bài thầy cô giao               | 1.40              | 3.50         | 14.69            | 41.96                | 38.46            | 4.13 |
| Em chăm chỉ làm bài tập để kết quả tốt lên, em cảm thấy vui hơn vì điều đó     | 0.70              | 6.99         | 15.38            | 39.16                | 37.06            | 4.39 |
| Em cố gắng học thật tốt để thực hiện được ước mơ của mình                      | 3.50              | 20.98        | 34.27            | 41.26                | 100.00           | 4.13 |
| Em thích rèn luyện và học tốt để cả nhà vui                                    | 2.10              | 4.20         | 22.38            | 33.57                | 37.76            | 4.01 |
| Em thích tham gia các cuộc thi về tài năng hoặc học tập để khẳng định bản thân | 9.09              | 18.18        | 19.58            | 27.97                | 25.17            | 3.42 |
| Em vui khi làm việc nhà để phụ giúp người thân                                 | 1.40              | 10.49        | 29.37            | 29.37                | 29.37            | 3.75 |
| Chung                                                                          |                   |              |                  |                      |                  | 3.97 |

Kết quả bảng 5 cho thấy, thực trạng nhận thức ý nghĩa của hoạt động của HS trung học cơ sở Trường TH,THCS&THPT Chu Văn An ở mức cao (ĐTB = 3.97), trong đó, hoạt động “Em chăm chỉ làm bài tập để kết quả tốt lên, em cảm thấy vui hơn vì điều đó” là có ý nghĩa cao nhất với HS (ĐTB = 4.39) và hoạt động

“Em thích tham gia các cuộc thi về tài năng hoặc học tập để khẳng định bản thân” (ĐTB = 3.42) là ít có ý nghĩa nhất đối với các em. Như vậy, HS thường xuyên thấy được ý nghĩa gắn với các hoạt động của các em tại Trường và gia đình, thấy được ý nghĩa của việc học tập có vai trò quan trọng đối với hiện tại và tương lai của các em, nhưng ý nghĩa của việc khẳng định bản thân qua các cuộc thi học thuật hay tài năng chưa được các em chú trọng nhiều.

*2.3.2.5. Thực trạng thành tựu đạt được của học sinh trung học cơ sở Trường Tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông Chu Văn An, Trường Đại học Tây Bắc*

**Bảng 6. Thực trạng thành tựu đạt được của HS trung học cơ sở Trường TH,THCS&THPT Chu Văn An, Trường Đại học Tây Bắc**

| Nội dung                                                                                    | Không bao giờ (%) | Hiếm khi (%) | Thỉnh thoảng (%) | Rất thường xuyên (%) | Thường xuyên (%) | ĐTB  |
|---------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|--------------|------------------|----------------------|------------------|------|
| Em vui khi kết quả học tập tiến bộ                                                          | 2.10              | 5.59         | 8.39             | 29.37                | 28.7             | 4.29 |
| Em tự hào khi được thầy cô, bạn bè hoặc bố mẹ khen ngợi                                     | 0.70              | 10.49        | 11.19            | 32.87                | 44.76            | 4.10 |
| Em cố gắng để đạt kết quả học cao nhất có thể                                               | 1.40              | 2.10         | 8.39             | 44.06                | 44.06            | 4.27 |
| Em cố gắng sửa chữa những lỗi sai ở nhà và ở Trường                                         | 0.70              | 2.10         | 19.58            | 34.27                | 43.36            | 4.17 |
| Em cảm thấy tự hào khi đạt kết quả tốt (hoặc đạt giải) ở các bài kiểm tra hoặc các cuộc thi | 0.70              | 6.99         | 16.08            | 30.07                | 46.15            | 4.14 |
| Em cố gắng làm tốt các việc ở gia đình để bố mẹ công nhận em đã lớn                         | 6.29              | 5.59         | 16.78            | 35.66                | 35.66            | 3.89 |
| Chung                                                                                       |                   |              |                  |                      |                  | 4.14 |

Kết quả bảng 6 cho thấy, thực trạng thành tựu đạt được của HS trung học cơ sở Trường TH,THCS&THPT Chu Văn An ở mức cao (ĐTB = 4.14), trong đó, hài lòng nhất với thành tựu “Em vui khi kết quả học tập tiến bộ” (ĐTB

= 4.29), “Em cố gắng để đạt kết quả học cao nhất có thể” (ĐTB = 4.27) và HS ít hài lòng nhất với thành tựu “Em cố gắng làm tốt các việc ở gia đình để bố mẹ công nhận em đã lớn” (ĐTB = 3.89). Điều này có nghĩa là HS hài lòng về các thành tựu đạt được của các em tại Trường và gia đình, nhưng trong công việc gia đình các em chưa nhận được sự công nhận tương xứng từ cha mẹ mà các em mong muốn.

#### 2.4. Các yếu tố ảnh hưởng tới cảm nhận hạnh phúc của học sinh trung học cơ sở Trường Tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông Chu Văn An, Trường Đại học Tây Bắc

**Bảng 7. Thực trạng cảm nhận hạnh phúc của HS trung học cơ sở Trường TH,THCS&THPT Chu Văn An, Trường Đại học Tây Bắc**

| Các yếu tố                                                                                                                                                     | ĐTB  | Mức độ              | Thứ bậc |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|---------------------|---------|
| Các yếu tố từ gia đình (phong cách, bầu không khí, tấm gương cha mẹ, mối quan hệ anh chị em, quan điểm giáo dục của gia đình...)                               | 4.38 | Ảnh hưởng rất nhiều | 1       |
| Các yếu tố từ cá nhân học sinh (tính cách, khí chất, đặc điểm tâm lý lứa tuổi, sức khoẻ thể chất và tâm lý...)                                                 | 4.26 | Ảnh hưởng rất nhiều | 3       |
| Các yếu tố từ nhà Trường (định hướng giáo dục, mục tiêu giáo dục của nhà Trường, chương trình, phương pháp và phong cách dạy học, bầu không khí Trường học...) | 4.35 | Ảnh hưởng rất nhiều | 2       |
| Các yếu tố từ xã hội (xu hướng giáo dục /thị hiếu giáo dục chung trong xã hội, môi Trường, chính sách của Bộ)                                                  | 4.21 | Ảnh hưởng nhiều     | 4       |

Kết quả trên cho thấy, các yếu tố khách quan và chủ quan trên đều ảnh hưởng rất nhiều tới thực trạng cảm nhận hạnh phúc của học sinh trung học cơ sở Trường TH,THCS&THPT Chu Văn An, trong đó các yếu tố từ gia đình (ĐTB = 4.38), các yếu tố từ nhà Trường (ĐTB = 4.35) có ảnh hưởng nhiều nhất và các yếu tố xã hội có ảnh hưởng ít nhất (ĐTB = 4.21). Môi Trường hoạt động của HS trung học cơ sở chủ yếu ở gia đình và nhà Trường nên bầu không khí tâm lý, môi Trường hoạt động, phong cách

giao tiếp, các hoạt động được tổ chức... ở gia đình và khi ở Trường quyết định cảm nhận hạnh phúc của HS.

### 3. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

#### 3.1. Kết luận

Nhìn chung, thực trạng cảm nhận hạnh phúc của HS trung học cơ sở Trường TH,THCS&THPT Chu Văn An, Trường Đại học Tây Bắc ở mức cao (ĐTB = 3.92), cho thấy đa số HS thường xuyên cảm thấy hạnh phúc khi tham gia các hoạt động tại Trường và tại gia đình. Bên cạnh đó, vẫn còn một số HS (2.8%) HS ít cảm thấy hạnh phúc khi tham gia các hoạt động tại Trường và tại gia đình.

Thành phần “Thành tựu đạt được” đạt mức cao nhất trong các thành phần của cảm nhận hạnh phúc của HS và thành phần cảm nhận hạnh phúc của HS đạt mức thấp nhất là “Mức độ tham gia hoạt động” nhưng sự khác biệt này không có ý nghĩa.

Đánh giá cụ thể các thành phần cảm nhận hạnh phúc của HS trung học cơ sở Trường TH,THCS&THPT Chu Văn An, Trường Đại học Tây Bắc: HS thường xuyên có cảm xúc tích cực khi tham gia các hoạt động tại Trường và tại gia đình, nhưng HS vẫn thể hiện rõ sự thoải mái về cảm xúc của mình tại gia đình hơn là ở Trường; HS thường xuyên tham gia các hoạt động tại Trường và tại gia đình, nhưng mức độ tham gia vào các công việc tại đình thường cao hơn mức độ tham gia vào các hoạt động tại Trường; HS hài lòng về các mối quan hệ tại Trường và gia đình, nhưng sự hài lòng với các mối quan hệ trong gia đình cao hơn các mối quan hệ tại Trường; HS thường xuyên thấy được ý nghĩa gắn với các hoạt động của các em tại Trường và gia đình, thấy được ý nghĩa của việc học tập có vai trò quan trọng đối với hiện tại và tương lai của các em, nhưng ý nghĩa của việc khẳng định bản thân qua các cuộc thi học thuật hay tài năng chưa được các em chú trọng nhiều; HS hài lòng về các thành tựu đạt được của các em tại Trường và gia đình, nhưng trong công việc gia đình các em chưa nhận được sự công nhận tương xứng từ cha mẹ mà các em mong muốn.

Các yếu tố khách quan và chủ quan trên đều ảnh hưởng rất nhiều tới thực trạng cảm nhận

hạnh phúc của HS trung học cơ sở Trường TH, THCS & THPT Chu Văn An, trong đó các yếu tố gia đình, các yếu tố nhà Trường có ảnh hưởng nhiều nhất và các yếu tố xã hội có ảnh hưởng ít nhất.

### 3.2. Kiến nghị

- Với cha mẹ HS: Tạo mối quan hệ dân chủ, “nồng ấm – chấp nhận và yêu cầu cao” với con bằng cách lắng nghe con nhiều hơn, tôn trọng tính cách những sở thích cá nhân của con nhưng vẫn cho con biết những quy tắc nên làm tại gia đình tạo niềm tin, sự tôn trọng và yêu thương đối với các con; Hãy khuyến khích, động viên khi con làm tốt, hãy giải thích rõ lỗi sai của con để lần sau con không mắc phải nữa thay vì trách phạt. Cha mẹ cần làm bạn với con để thấu hiểu tâm tư, nhu cầu, sở thích của con và để các con tin tưởng, chia sẻ mọi vấn đề gặp phải trong cuộc sống; Không quá đặt nặng việc học tập, thay vào đó có thể cho các con tham gia nhiều hoạt động trải nghiệm, những chuyến đi chơi cuối tuần để các con cảm thấy dễ chịu hơn.

- Với giáo viên: Giáo viên cần xây dựng tốt mối quan hệ thầy – trò, bạn bè và bầu không khí lớp học. Vì thế, giáo viên cần thân thiện, luôn sẵn sàng lắng nghe và chia sẻ với học sinh; áp dụng nhiều phương pháp dạy học khác nhau để học sinh có thể phát huy hết năng lực của mình; Tạo cơ hội cho tất cả học sinh được tham gia vào các hoạt động chung của lớp và của Trường để các em tìm thấy được niềm yêu thích và thành tựu của bản thân.

- Với nhà Trường: Định hướng phát triển và xây dựng nhà Trường theo mục tiêu “nhà Trường

thay đổi, học sinh hạnh phúc”; Xây dựng hệ thống câu lạc bộ các môn học ngoại khóa cho học sinh, đó là một hình thức để các em có thể trải nghiệm sở thích và phát huy tiềm năng về học tập, nghệ thuật, thể thao sau giờ học của mình.

- Với HS trung học cơ sở: HS hiểu đúng và thực hiện tốt nghĩa vụ và bổn phận của mình khi ở Trường và tại gia đình; Tích cực tham gia các hoạt động ở Trường và tại gia đình, góp phần tạo bầu không khí tích cực; Cởi mở hơn, sẵn sàng chia sẻ suy nghĩ, mong muốn với thầy cô giáo, cha mẹ, người thân.

### Tài liệu tham khảo

1. Diener, E., Lucas, Oishi, Richard E., & Shigehiro (2002), *Subjective Well – being: The Science of Happiness and Life Satisfaction*, Handbook of Positive Psychology. Oxford University Press, pp.63 – 73.
2. Seligman, E.P., M (2011), *Authentic Happiness*, Atria Books, America.
3. Phan Thị Mai Hương (2014), “Cảm nhận hạnh phúc của người nông dân”, Tạp chí Tâm lý học (số 8), tr. 28 – 40.
4. Trần Thu Hương, Ngô Thanh Huệ (2018), “*Nghiên cứu sự hạnh phúc ở Trường học của học sinh Việt Nam: Tiếp cận đánh giá đa chiều*”, Tạp chí Tâm lý học xã hội, Số 3, tháng 3/2018.
5. Nguyễn Quốc Thái, Vũ Thuỳ Hương (2019), *Tâm lý học – Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Sách chuyên khảo, Nxb Đại học Quốc gia.

# WELL-BEING OF SECONDARY STUDENTS IN CHU VAN AN PRIMARY, SECONDARY AND HIGH SCHOOL, TAY BAC UNIVERSITY

Nguyen Quoc Thai<sup>1</sup>, Lo Thi Thanh Nhan<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Faculty of General, Tay Bac University; <sup>2</sup>K61 English Language Teacher Education, Tay Bac University

**ABSTRACT:** *Well-being of secondary students are their self-perception and self-assessment of their satisfaction and ease with their life at school and at home. This study surveyed 143 students in Chu Van An primary, secondary and high school, Tay Bac university. In general, the reality of well-being of secondary students are high level (mean = 3.92), showing that the majority of students often feel happy at school and at home. Besides, there are 2.8% students who feel less happy at school and at home. Among the components of well-being of secondary students, they are most satisfied in the "Achievement" component, satisfied with at least "Level of participation in activities", but this difference is not significant. The above objective and subjective factors have a great influence on the reality of well-being of secondary students in Chu Van An primary, secondary and high school, in which factors from family, school factors have the most influence and social factors have the least influence.*

**Key words:** *Well-being; secondary students; well-being of secondary students; Chu Van An Primary, secondary and high school.*

---

|                 |                           |
|-----------------|---------------------------|
| Ngày nhận bài:  | 6/15/2023                 |
| Ngày nhận đăng: | 6/29/2023                 |
| Liên lạc:       | nguyenquocthai@utb.edu.vn |